

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49A /2022/DS-PT
Ngày 09/8 và 15/9/ 2022
Về “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Lê Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Đào Hải Thịnh – Thư ký Tòa án – Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 và ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị đơn kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2022/QĐPT-DS ngày 06/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31 ngày 23/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34 ngày 19/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Mua bán nợ K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Ngọc D, chức vụ - Giám đốc. - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T B, chức vụ - Phó Giám đốc - Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 278, đường T, tổ 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L .

Cùng địa chỉ: Thôn 15, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Ông H có mặt, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn L, là Luật sư, Văn phòng Luật sư T- thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 27, ngõ 82, đường N, quận H, thành phố Hà Nội - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị T - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Phan TĐ và bà Nguyễn Thị T - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 15, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Người làm chứng: Bà Đinh Thị K.A - Có mặt.

Địa chỉ: Khối 2, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Mua bán nợ K (viết tắt là Công ty mua bán nợ K) người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Ngày 20/8/2019, ông Nguyễn Hữu H, bà Đinh Thị L có vay của Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T số tiền 424.000.000 đồng, giấy vay không thể hiện lãi suất, bên vay hẹn ngày 20/9/2019 sẽ trả nếu không trả được thì bên cho vay có quyền lấy 20.000m² tại thôn 15, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đến hạn nhưng ông H, bà L không trả nợ, phía ông Đ, bà T cũng không lấy 20.000m² đất. Ngày 08/11/2019, ông Đ, bà T ký hợp đồng số 138/2019/HĐ-KN bán cho Công ty mua bán nợ K khoản nợ 424.000.000 đồng và lãi suất theo quy định đối với ông H, bà L.

Ngày 08/11/2019, Công ty mua bán nợ K gửi thông báo đòi nợ số 138/2019/HĐ-KN cho Ủy ban nhân dân xã Đ, Công an xã Đ, ông H và bà L nhưng ông H, bà L cố tình không trả nợ.

Công ty mua bán nợ K khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu H, bà Đinh Thị L phải trả số tiền 424.000.000 đồng và lãi suất 0,0166% x 2 tháng 23 ngày = 19.473.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H, bà L về việc yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng vay tài sản ngày 20/8/2019 giữa ông H, bà L với ông Đ và bà T là vô hiệu.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L trình bày: Năm 2013, ông H, bà L có đứng ra làm trung gian để ông Phan Tiến Đ, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 300.000.000 đồng của ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T. Với vai trò trung gian, ông H, bà L (bên vay) ký giấy vay tiền với ông Đ, bà T (bên cho vay) và ông Đ, bà T ký là người làm chứng. Ông Đ, bà T (bên vay) ký giấy mượn tiền 300.000.000 đồng với ông H, bà L (bên cho vay), ông Đ, bà T ký giấy là người làm chứng. Việc đứng ra

trung gian và ký vào giấy vay tiền chỉ là đảm bảo sự tin cậy để ông Đ, bà T vay tiền của ông Đ, bà T. Ông H, bà L không nhận tiền từ ông Đ, bà T và cũng không có sự giao nhận tiền với ông Đ, bà T.

Ngày 20/8/2019, ông Đ, bà T kéo nhiều người đến đe dọa, ép buộc để ông H, bà L phải viết và ký giấy nhận vay của ông Đ, bà T số tiền 424.000.000 đồng. Ngoài ra ông Đ, bà T còn lừa phỉnh ký vào giấy vay tiền để cùng phối hợp đòi tiền ông Đ, bà T (thực chất là người vay tiền của ông Đ, bà T) rồi sẽ cho ông H, bà L số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 05/6/2020, ông H, bà L phản tố yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố hợp đồng vay tài sản ngày 20/8/2019 giữa ông H, bà L với ông Đ, bà T là vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị T trình bày: Ngày 20/8/2019, ông Đ, bà T cho ông Nguyễn Hữu H, bà Đinh Thị L vay số tiền 424.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 20/9/2019. Đến hạn trả nợ nhưng ông H, bà L không trả nợ. Ngày 08/11/2019, ông Đ, bà T có ký hợp đồng số 138/2019/HĐ-KN bán cho Công ty mua bán nợ K khoản nợ số tiền 424.000.000 đồng và lãi suất theo quy định đối với ông H, bà L .

Công ty mua bán nợ K khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu H, bà Đinh Thị L phải trả số tiền 424.000.000 đồng và lãi suất là đúng và không có ý kiến, yêu cầu gì.

Việc ông H, bà L cho rằng số tiền 424.000.000 đồng là do đứng ra làm trung gian vay hộ ông Đ, bà T là không đúng, nếu ông H, bà L cho rằng vay giúp ông Đ, bà T thì phải có chứng cứ chứng minh, còn việc ông H, bà L cho ông Đ, bà T vay tiền là khoản vay khác và có quyền đòi không liên quan gì đến việc ông H, bà L vay số tiền 424.000.000 đồng của ông Đ, bà T.

Người làm chứng bà Đinh Thị Kim Anh trình bày: Ông Nguyễn Hữu H, bà Đinh Thị L là bạn đồng hương. Ngày 20/8/2019, bà Anh có vào nhà ông H, bà L chơi thấy ông Đ, bà T, ông H, bà L nói chuyện về số tiền vay 424.000.000 đồng. Bà Anh chỉ nghe ông H, bà L nói lại chứ không chứng kiến trực tiếp, khoản nợ vay này là do ông H, bà L đứng ra làm trung gian để ông Đ, bà T cho ông , bà T vay. Khoản vay này từ năm 2013, số tiền vay là 300.000.000 đồng, ông Đ, bà T đã trả cho ông Đ, bà T tổng cộng số tiền 465.000.000 đồng cả gốc và lãi, ngoài ra bà Anh không biết gì thêm.

Đối với ông Phan TĐ và bà Nguyễn Thị T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông TĐ và bà T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì ông TĐ và

bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 15, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhưng thường xuyên vắng nhà đi đâu làm gì thì chính quyền địa phương không nắm được, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho ông TĐ và bà T nên đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 10/02/2022 của TAND huyện Đ, quyết định:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 149; các điểm b, đ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 351; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH - MTV Mua bán nợ K đối với ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L. Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L phải trả cho Công ty TNHH - MTV Mua bán nợ K số tiền 424.000.000đ (*bốn trăm hai mươi bốn triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH - MTV Mua bán nợ K đối với ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L về yêu cầu lãi suất số tiền là 19.473.000đ (*mười chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng vay tài sản ngày 20/8/2019, giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L với ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị T là vô hiệu.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty TNHH - MTV Mua bán nợ K có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L không trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số nợ chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả nợ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L phải nộp 9.000.000đ (*chín triệu đồng*) tiền chi phí giám định, được khấu trừ vào số tiền 9.000.000đ (*chín triệu đồng*) đã nộp tạm ứng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L phải nộp 20.960.000đ (*hai mươi triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phần bị bác yêu cầu phản tố, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà Đinh Thị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000205 ngày 05/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH - MTV Mua bán nợ K số tiền 10.480.000đ (mười triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) mà bà Mông Thị D đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000091 ngày 14/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Ngày 15/02/2022 bị đơn là ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L có đơn kháng cáo nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm để xét xử lại.

Tại Kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Bản án số 06/2022/DSST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng Công ty mua bán nợ K không đủ điều kiện khởi kiện vì Công ty đã bị Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đắk Nông thông báo ngừng hoạt động mua bán nợ, đòi nợ vì không đủ điều kiện vốn Điều lệ nên đề nghị hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Phía nguyên đơn không chấp nhận quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn.

Ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như ở giai đoạn sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Viện kiểm sát rút toàn bộ nội dung kháng nghị số 01 ngày 24/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ tài liệu thu thập được, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát, đối chiếu quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã kháng nghị trong thời hạn luật định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thấy rằng:

[2.1]. Theo tài liệu ông H, bà L cung cấp: Ngày 29/12/2013 (âm lịch) vợ chồng ông Phan TĐ và bà Nguyễn Thị T có mượn Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L số tiền 372.000.000đ, thời hạn trả ngày 29/6/2014, phía dưới giấy cam kết mượn tiền ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị T ký người làm chứng (BL 113).

- Ngày 17/7/2019 AL vợ chồng ông Phan TĐ và bà Nguyễn Thị T có cam kết mượn tiền ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L số tiền 424.000.000đ trong thời gian từ năm 2013 đến nay chưa có trả, thời hạn trả ngày 20/9/2019. Giấy cam kết mượn tiền do bà Đinh Thị Kim Anh viết hộ ông H, bà L và ông Đ, bà T, phía dưới giấy cam kết mượn tiền ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị T ký người làm chứng ngoài ra còn ghi chú năm 2013 có vay 300.000.000đ đã trả lãi cộng gốc còn 140.000.000đ bị gạch chéo (BL111).

[2.2]. Ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị T cung cấp Giấy vay tiền ngày 20/8/2019 nội dung anh Nguyễn Hữu H và vợ Đinh Thị L có mượn chú Đ, cô T số tiền 424.000.000đ thời hạn trả ngày 20/9/2019, nếu không trả cô chú Đ, T có quyền lấy 20.000m² đất tại thôn 15, xã Đ, huyện Đ (BL 108).

Ngày 05/11/2019 ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị T hợp đồng bán quyền đòi nợ cho Công ty mua bán nợ K số tiền 434.800.000đ với tỷ lệ phải thanh toán là 269.576.000đ. Bên Công ty mua bán nợ K thanh toán cho ông Đ bà T sau khi thu hồi nợ đến đâu thanh toán đến đó (BL 04).

Công ty mua bán nợ K được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp lần đầu ngày 26/02/2016 với tên gọi Công ty TNHH MTV đòi nợ K; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 23/01/2019 thành Công ty TNHH MTV Mua bán nợ K, vốn điều lệ 100.000.000.000đ (Một trăm tỷ đồng), chủ doanh nghiệp là Phương Ngọc D.

Ngày 20/8/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư ra Thông báo số 37/TB-ĐKKD yêu cầu Công ty TNHH MTV Mua bán nợ K tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện với lý do doanh nghiệp chưa góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký (100 tỷ đồng).

Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông ra Thông báo số 24/TB-ĐKKD ngày 14 tháng 5 năm 2021 với nội dung “Thông báo số 37/TB-ĐKKD Ngày 20/8/2020 của

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông hết hiệu lực vì đã bãi bỏ ngành nghề kinh doanh có điều kiện mua bán nợ quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật đầu tư năm 2020” (BL 147 đến 151).

Khoản 6 Điều 17 Luật doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực ngày 01/7/2015 quy định về các hành vi bị nghiêm cấm:

6. Kê khai khống vốn Điều lệ; không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý đầu giá tài sản góp vốn không đúng giá trị.

Khoản 8 Điều 7 Nghị Định số 78/NĐ-CP ngày 14/9/2015 Nghị định về đăng ký doanh nghiệp:

8. Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 5 và Điều 7 Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ:

Điều 5: Điều kiện chung đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ

1. Doanh nghiệp phải có quy chế quản lý nội bộ về tổ chức, quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ phù hợp với quy định của Nghị Định này.

2. Doanh nghiệp phải đáp ứng quy định về mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu tương ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 8 Nghị Định này. Trường hợp, doanh nghiệp thực hiện một số hoặc tất cả các hoạt động thì mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu cao nhất trong số các hoạt động mà doanh nghiệp thực hiện.

Điều 7. Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh hoạt động mua bán nợ

1. Các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị Đ này.

2. Có mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Điều 4. Quy định đáp ứng điều kiện về vốn tại Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn Nghị Định số 69:

Tại mọi thời điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, vốn điều lệ/vốn đầu tư thực góp hạch toán trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp phải lớn hơn

hoặc bằng mức vốn tối thiểu quy Định tại Nghị Định số [69/2016/NĐ-CP](#) tương ứng với từng loại hình kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Căn cứ luật doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản quy định về thi hành luật doanh nghiệp năm 2014 thì Công ty mua bán nợ K kê khai không vốn Điều lệ; không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký nên Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đắk Nông có văn bản tạm ngừng hoạt động.

Tại thời điểm 05/11/2019 ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị T hợp đồng bán quyền đòi nợ cho Công ty mua bán nợ K thì Công ty mua bán nợ K không đủ điều kiện mua bán nợ vì chưa góp đủ vốn điều lệ nên hợp đồng mua bán nợ giữa ông Phạm Văn Đ và Phạm Thị T hợp đồng bán quyền đòi nợ cho Công ty mua bán nợ K không phát sinh hiệu lực pháp luật. Công ty mua bán nợ K không có quyền khởi kiện đòi nợ đối với ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu H rút toàn bộ yêu cầu phản tố, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo, chấp nhận yêu cầu rút toàn bộ phản tố của ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L, hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, bản án sơ thẩm bị hủy, đình chỉ giải quyết vụ án nên ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu phản tố và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí yêu cầu phản tố và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L.

Trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp cho Công ty mua bán nợ K.

Ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L phải chịu chi phí giám định được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh thị L; chấp nhận rút yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hữu H.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ; đình chỉ giải quyết vụ án giữa nguyên đơn Công ty TNHH MTV

K đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 148, Điều 161, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Trả lại cho Công ty TNHH MTV Mua bán nợ K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.480.000 đồng theo Biên lai 0000091 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L phải chịu 9.000.000 (chín triệu) đồng chi phí giám định, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp.

Trả lại cho ông Nguyễn Hữu H và bà Đinh Thị L 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000205 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004705 ngày 22/02/2022 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004731 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký
Nguyễn Tài Sử**